

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1467/SXD.QHKT ngày 23/4/2024 về việc thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

**1. Tên hồ sơ:** Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** UBND huyện Con Cuông.

**3. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch:**

**3.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:** Toàn bộ diện tích thuộc ranh giới hành chính huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: huyện Quỳnh Châu;
- Phía Nam giáp: nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào;
- Phía Đông giáp: huyện Anh Sơn và huyện Quỳnh Hợp
- Phía Tây giáp: huyện Tương Dương.



**3.2. Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch:** 173.808,39ha (1.738,0839 km<sup>2</sup>), gồm 13 đơn vị hành chính (Thị trấn Con Cuông và các xã: Bình Chuẩn, Bồng Khê, Cam Lâm, Châu Khê, Chi Khê, Đôn Phục, Lạng Khê, Lục Dạ, Mậu Đức, Môn Sơn, Thạch Ngàn, Yên Khê).

**3.3. Thời hạn lập quy hoạch:**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2050.

**4. Quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:**

**4.1. Quan điểm:**

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông được lập nhằm định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tỉnh; Đảm bảo kết nối đồng bộ với các địa phương lân cận như Nghĩa Đàn, Thái Hòa, Tân Kỳ, Anh Sơn, Tương Dương và Kỳ Sơn; Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm, du lịch nông nghiệp, nông thôn dọc Quốc lộ 7; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững;

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc.

**4.2. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cụ thể hóa định hướng phát triển huyện Con Cuông tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Con Cuông lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Con Cuông nhằm phát huy vị thế và sức mạnh tổng hợp của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với định hướng bền vững, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội và ngoại vùng. Trong đó tập trung các thế mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và các loại hình công nghiệp dịch vụ du lịch;

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư; xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện; phân cấp hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn... trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững;

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.



- Tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Con Cuông đạt chuẩn nông thôn mới.

#### **4.3. Nhiệm vụ:**

- Phân tích, đánh giá tổng hợp hiện trạng và các nguồn lực phát triển vùng kinh tế, lao động, dân cư, đất đai;

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Con Cuông về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và dịch vụ thúc đẩy phát triển đa dạng ngành kinh tế;

- Đề xuất cấu trúc không gian vùng huyện với các trục liên kết hệ thống đô thị, trung tâm cụm xã, hệ thống điểm dân cư nông thôn gắn kết với các trung tâm kinh tế huyện và khu vực; phân bố không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp xây dựng, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển bền vững đô thị và nông thôn; bổ sung và khớp nối các dự án đã và đang thực hiện trên phạm vi địa bàn;

- Đối với khu vực nông thôn: Đảm bảo thực hiện những quan điểm chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu các mô hình đặc trưng cho khu vực nông thôn huyện Con Cuông.

#### **5. Tính chất, chức năng:**

- Là trung tâm tiểu vùng phía Tây Nam của tỉnh Nghệ An, phát triển các trung tâm dịch vụ y tế, đào tạo nghề, du lịch,... Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nam, có tiềm năng phát triển khu du lịch sinh thái gắn với bảo tồn phát triển khu dự trữ sinh quyển thế giới (khu dự trữ sinh quyển Pù Mát).

- Là huyện có vị trí quan trọng về chính trị, an ninh quốc phòng biên giới phía Tây Nam Nghệ An.

#### **6. Các chỉ tiêu chính dự kiến của đồ án:**

##### **6.1. Quy mô dân số:**

- Quy mô dân số hiện trạng: 76.234 người;

- Dự báo quy mô dân số:

+ Đến năm 2030 dự kiến khoảng: 105.000 - 115.000 người;

+ Đến năm 2050 dự kiến khoảng: 125.000 - 135.000 người.

##### **6.2. Tỷ lệ đô thị hóa:**

- Hiện trạng: khoảng 7% - 8%;

- Đến năm 2030: dự kiến khoảng 28 - 30%;

- Đến năm 2050: dự kiến khoảng 33% - 35%;



### 6.3. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Quy mô đất xây dựng đô thị hiện trạng: 187,41ha (thị trấn Con Cuông)
- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị dự kiến tăng khoảng 500 - 600 ha;

### 6.4. Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật cơ bản áp dụng:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu vực thị trấn Con Cuông; khu vực đô thị Khe Choảng và khu vực trung tâm cụm xã thuộc huyện Con Cuông theo tiêu chí đô thị loại V; đối với các khu dân cư nông thôn đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới do Chính phủ ban hành.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị, các chỉ tiêu cơ bản chủ yếu như sau:

STT	Hạng mục chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	Định hướng đến năm 2050
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội</b>			
1	- Diện tích sàn nhà ở bình quân (sàn/người)	m <sup>2</sup>	≥ 29	26,5
2	- Đất dân dụng	m <sup>2</sup> /người	78	61
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về đô thị</b>			
1	Giao thông			
	- Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 18	≥ 18
	- Mật độ đường giao thông	Km/km <sup>2</sup>	6 - 10	≥ 10
	- Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m <sup>2</sup> /người	5 - 13	≥ 13
2	Cấp nước			
	- Cấp nước sinh hoạt (Q <sub>sh</sub> )	lít/ng/ngày	120 - 130	≥ 130
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch	% dân số	90 - 100	100
3	Cấp điện			
	- Cấp điện sinh hoạt	w/ng	330	≥ 500
	- Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
	- Điện công nghiệp	Kw/ha	50 - 350	
4	Thu gom nước thải và VSMT			



STT	Hạng mục chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	Định hướng đến năm 2050
	- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	90	$\geq 90$
	- Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
	- Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	$\geq 97$	100
	- Lượng chất thải phát sinh	Kg/ng/ngày	1	$\geq 1,3$
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về nông thôn</b>			
1	Giao thông			
	- Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 16	$\geq 16$
	- Mật độ đường giao thông	Km/km <sup>2</sup>	6 - 8	$\geq 8$
	- Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m <sup>2</sup> /người	5 - 7	$\geq 7$
2	Cấp nước			
	- Cấp nước sinh hoạt ( $Q_{sh}$ )	lít/ng/ngày	100	$\geq 100$
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch	% dân số	90	100
3	Cấp điện			
	- Cấp điện sinh hoạt	w/ng	250	$\geq 350$
	- Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	$\geq 30$
	- Điện công nghiệp	Kw/ha	50 - 350	
4	Thu gom nước thải và VSMT			
	- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	80	$\geq 85$
	- Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
	- Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	$\geq 80$	100
	- Lượng chất thải phát sinh	Kg/ng/ngày	0,8	$\geq 1$

Quá trình lập quy hoạch sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của khu vực.

## 7. Các yêu cầu trong quá trình lập đồ án quy hoạch

### 7.1. Về tổ chức không gian vùng và các khu chức năng chủ yếu

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng.



- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;
- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng.
- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị.
- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.
- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

## **7.2. Về định hướng phát triển không gian vùng:**

### **a) Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng:**

- Việc phân vùng phát triển phải dựa trên các nguyên tắc sau:
  - + Phù hợp với điều kiện địa hình;
  - + Thuận lợi trong kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
  - + Phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng chính;
  - + Trong từng phân vùng phải lựa chọn các trọng tâm, chức năng chính làm động lực phát triển cho vùng như: Đô thị, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp...;
- Tùy điều kiện thực tế để phân vùng phát triển hợp lý (*có thể nghiên cứu phân thành 02 đến 03 vùng phát triển*). Số lượng các vùng phát triển sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch.

### **b) Định hướng phát triển không gian vùng:**

- Đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân cấp đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, chức năng và quy mô các đô thị theo vùng và khu vực. Trong đó trọng tâm là thị trấn huyện lỵ Con Công và định hướng trong mỗi phân vùng sẽ quy hoạch điểm đô thị làm trung tâm phát triển cho vùng nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng lợi thế của khu vực về phát triển du lịch sinh thái, chế biến nông, lâm sản.
- Đề xuất hệ thống không gian các khu chức năng, cụ thể về quy mô, loại hình, ưu tiên chế biến lâm sản, dịch vụ nông nghiệp, bố trí các khu vực cần gắn với các địa bàn đô thị, trung tâm cụm xã, nông thôn, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp,... đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách ly an toàn, bảo vệ môi trường;
- rà soát, xem xét sự hình thành của các trung tâm cụm xã trong định hướng tình hình mới về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch,... đặc biệt đối với các xã đã có quy hoạch được duyệt để xác lập những yêu cầu cần thiết của việc điều chỉnh quy hoạch.



- Rà soát quy hoạch trên địa bàn huyện, các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa, các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện.

- Đề xuất mô hình nông thôn mới, các khu tái định cư phục vụ các dự án động lực, quy mô lớn.

### **7.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:**

- Về giao thông:

+ Cập nhật, dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa, nghiên cứu các chiến lược vận tải của quy hoạch vùng tỉnh và khu vực để đề xuất chiến lược phát triển mạng lưới giao thông vùng huyện Con Cuông.

+ Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông phù hợp với cấu trúc phát triển không gian vùng huyện Con Cuông, khai thác phù hợp các tác động trong tương lai của hành lang kinh tế QL 7 và hệ thống đường huyện, xã đảm bảo sự kết nối phù hợp với các khu vực trên địa bàn huyện.

+ Xây dựng các trục hành lang, trục liên kết nhằm thúc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của vùng huyện. Nghiên cứu hệ thống giao thông chính của các đô thị định hướng; xem xét yêu cầu bảo vệ và sử dụng các tuyến đường đối ngoại đi qua huyện.

- Về chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình mỗi vùng. Ưu tiên các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng từ những quỹ đất còn hoang hóa, hạn chế chuyển đổi, có các biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt các vùng, khu vực đất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

+ Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến tự nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập, xây dựng hồ điều tiết lũ,... cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

- Cấp nước:

+ Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị và trung tâm cụm xã.

+ Xác định rõ nguồn cấp nước cho phát triển đô thị và công nghiệp và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, hồ đập thủy lợi, kiểm soát khai thác nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt sản xuất.

- Cấp điện và thông tin liên lạc:

+ Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất,... lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Xác định nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.



+ Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo, thân thiện môi trường như năng lượng mặt trời. Đề xuất cơ chế sử dụng, thu mua các nguồn năng lượng sạch. Xác định hành lang bảo vệ các tuyến đường truyền tải điện.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

+ Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

+ Nghiên cứu bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng huyện, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên.

#### **7.4. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:**

- Các nội dung yêu cầu nghiên cứu cần thực hiện theo Mục g, Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

**8. Hồ sơ sản phẩm:** Nội dung, hồ sơ đồ án thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. Danh mục hồ sơ như sau:

##### **8.1. Phân hồ sơ bản vẽ:**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Tỷ lệ</b>
01	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới vùng lập quy hoạch.	Thích hợp
02	Bản đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn.	1/25.000
03	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển: Xác định các phân vùng để quản lý.	1/25.000
04	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng: Xác định không gian phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn	1/25.000



TT	Danh mục	Tỷ lệ
	hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; vị trí trung tâm cụm xã, trung tâm xã; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo các giai đoạn quy hoạch.	
05	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện theo từng chuyên ngành gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường liên xã), hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.	1/25.000

### 8.2. Phần thuyết minh:

- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch, dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch và văn bản pháp lý có liên quan;

- Thuyết minh tóm tắt, thuyết minh tổng hợp kèm theo bản vẽ thu nhỏ trên khổ giấy A3;

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

- Thiết bị lưu trữ toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

\* Hồ sơ được thành lập gồm 07 bộ (trong đó có 1 bộ màu).

### 9. Tổ chức thực hiện:

**9.1. Thời gian lập đồ án quy hoạch:** Tối đa 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

**9.2. Lấy ý kiến về quy hoạch:** Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

**9.3. Thời gian thẩm định:** Thẩm định hồ sơ quy hoạch trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**9.4. Công bố quy hoạch được duyệt:** Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định.

### 9.5. Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Nghệ An.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Nghệ An.

- Cơ quan tổ chức lập, công bố quy hoạch: UBND huyện Con Cuông;

- Đơn vị lập quy hoạch: Được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật.



**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông tổ chức triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo mục tiêu, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả đồ án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các Ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Con Cuông; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN, NN UBND tỉnh;
- Các phòng CN, NN, KT, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (Hùng)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**